

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn;
hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020; số 575/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2378/TTr-SNNPTNT ngày 03/9/2019, và ý kiến của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1317/SKHĐT-KTN ngày 22/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, với nội dung chính sau:

1. Tên Dự án: Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

2. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh..

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Đơn vị quản lý thực hiện dự án: Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2019 ÷ 2020.

6. Mục tiêu:

6.1. Mục tiêu chung:

Nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất, tạo vùng nguyên liệu gỗ lớn tập trung, ổn định lâu dài để chủ động cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sâu với hiệu quả kinh tế cao.

6.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn bằng hình thức chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ thành gỗ lớn; đưa năng suất bình quân đạt từ 15m³/ha/năm trở lên cho 428,33 ha.

- Trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm: 70.000 cây.

7. Phạm vi, địa điểm thực hiện Dự án:

- Chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ thành gỗ lớn tại các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Hà và Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

- Trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi.

8. Đối tượng hỗ trợ thực hiện Dự án:

Tổ chức (Doanh nghiệp, hợp tác xã lâm nghiệp, đơn vị quân đội...), hộ gia đình, cá nhân đăng ký tham gia trồng rừng gỗ lớn, trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm.

9. Nội dung chính của Dự án:

9.1. Khối lượng đầu tư hỗ trợ

9.1.1. Hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

9.1.1.1. Tổng diện tích 428,33 ha; Trong đó:

- Diện tích rừng của tổ chức là : 83,95 ha.

- Diện tích rừng của các hộ gia đình, cá nhân là : 344,38 ha.

9.1.1.2. Phân kỳ theo năm

a) Năm 2019: Tổng diện tích 230,51 ha, Trong đó:

- Diện tích rừng của tổ chức là : 40,18 ha.

- Diện tích rừng của các hộ gia đình, cá nhân là : 190,33 ha.

b) Năm 2020: Tổng diện tích 197,82 ha, Trong đó:

- Diện tích rừng của tổ chức là : 43,77 ha.

- Diện tích rừng của các hộ gia đình, cá nhân là : 154,05 ha.

9.1.2. Hỗ trợ trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm

- Tổng số cây: 70.000 cây.

- Phân kỳ theo năm:

+ Năm 2019: 39.992 cây.

+ Năm 2020: 30.078 cây.

9.2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ của dự án

9.2.1. Hỗ trợ đầu tư chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành gỗ lớn

9.2.1.1. Điều kiện hỗ trợ:

- Chủ rừng có đơn tự nguyện và cam kết chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn.

- Có diện tích tối thiểu từ 5 ha liền vùng trở lên đối với hộ gia đình, cá nhân (hoặc nhóm hộ liền kề); 10 ha liền vùng trở lên đối với tổ chức, địa hình thuận lợi trong việc khai thác vận chuyển lâm sản cũng như thực hiện các biện pháp lâm sinh tác động để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng trồng gỗ lớn.

- Có pháp nhân trên diện tích tham gia: Sở đỏ, Quyết định hoặc Hợp đồng thuê đất trong thời hạn tham gia dự án.

- Cam kết chu kỳ kinh doanh rừng trồng tối thiểu 10 năm trở lên đối với cây mọc nhanh (Keo, Bạch đàn ...), sau 25 năm tuổi đối với cây bản địa và cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm (Lim xanh, Sao đen, Dầu rái, Sưa ...)

- Nguồn gốc giống cây trồng có kiểm soát chất lượng theo quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp hiện hành.

- Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh mật độ rừng trồng theo thiết kế kỹ thuật dự án.

9.2.1.2. Mức hỗ trợ:

- Mỗi đơn vị diện tích chỉ hỗ trợ một lần.

- 5.000.000 đồng/ha để thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển hóa.

- 300.000 đồng/ha để quản lý bảo vệ, thời gian không quá 7 năm kể từ thời điểm thực hiện chuyển hóa.

9.2.1.3. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Chủ rừng hợp đồng với chủ đầu tư theo điều kiện của dự án.

- Được hỗ trợ tiền chuyển hóa 1 lần sau khi chủ đầu tư kiểm tra nghiệm thu chủ rừng thực hiện chuyển hóa đạt mật độ mục tiêu của dự án.

- Được hỗ trợ tiền bảo vệ rừng vào Quý IV hàng năm sau khi được kiểm tra nghiệm thu.

9.2.1.4. Hỗ trợ rủi ro khi chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn:

- Điều kiện:

+ Thiệt hại diện tích cây rừng từ 30% trở lên do các nguyên nhân bất khả kháng đối với rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ chuyển hóa sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn.

+ Có đơn đề nghị hỗ trợ của chủ rừng có diện tích rừng trồng bị thiệt hại.

+ Biên bản xác minh hiện trường có xác nhận của tất cả các thành viên đoàn kiểm tra (thành phần đoàn kiểm tra theo quy định hiện hành).

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 50% giá trị thiệt hại của phần diện tích thiệt hại mà chủ rừng đã tự đầu tư đối với rừng trồng chưa có trữ lượng (dưới 3 năm tuổi đối với cây mọc nhanh; dưới 5 năm tuổi đối với cây bản địa, cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm).

+ Hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại của phần diện tích thiệt hại mà chủ rừng đã tự đầu tư đối với rừng trồng đã có trữ lượng (từ 3 năm tuổi trở lên đối với cây mọc nhanh; 5 năm tuổi đối với cây bản địa, cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm).

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng tiền; trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP.

9.2.1.5. Hỗ trợ tín dụng khi thực hiện chuyển hóa:

- Nguyên tắc cho vay: Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 27/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

- Hạn mức và thời gian vay:

+ Hạn mức vay được hỗ trợ lãi suất: Tối đa là 15.000.000 đồng/ha.

+ Thời hạn hỗ trợ lãi suất: Từ khi thực hiện chuyển hóa đến khi khai thác nhưng không quá 10 năm.

- Lãi suất và hỗ trợ lãi suất:

+ Lãi suất vay: Chủ rừng được vay với mức lãi suất là 1,2%/năm

+ Hỗ trợ lãi suất vay: Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất ngân hàng cho các đối tượng vay vốn không được ngân sách Trung ương hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia Dự án được hỗ trợ lãi suất vay khi có khế ước vay vốn Ngân hàng.

9.2.2. Hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm

9.2.2.1. Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đơn tự nguyện tham gia trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm:

- Sau khi chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu xác định địa điểm trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm (sơ đồ vị trí, tọa độ).

- Loài cây trồng nằm trong danh mục cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm (theo NQ số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh):

+ Cây Lim xanh (*Erythrophloeum fordii*).

+ Cây Sưa (Huê mộc vàng - *Dalbergia tonkinensis*).

9.2.2.2. *Mức hỗ trợ*: 40.000 đồng/cây:

9.2.2.3. *Nguyên tắc hỗ trợ*:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hợp đồng với chủ đầu tư theo điều kiện của dự án.

- Chủ đầu tư chuẩn bị cây giống và cấp cây giống tại UBND xã hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng (tùy theo điều kiện thuận lợi).

- Số tiền còn lại sau khi trừ chi phí cây giống (theo giá cây giống do UBND tỉnh phê duyệt) và chi phí vận chuyển (nếu có), chủ đầu tư cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sau khi nghiệm thu cây trồng để hỗ trợ một phần chi phí nhân công.

9.3. *Vốn và nguồn vốn thực hiện*

9.3.1. *Tổng dự toán và phân kỳ vốn hỗ trợ đầu tư*: 6.916.673.494 đồng

STT	Hạng mục	Thành tiền		
		Tổng	Năm 2019	Năm 2020
I	Chi phí hỗ trợ trực tiếp	6.008.970.800	3.496.282.400	2.512.688.400
1	Hỗ trợ chuyển hóa	3.208.970.800	1.899.402.400	1.309.568.400
2	Hỗ trợ trồng cây phân tán	2.800.000.000	1.596.880.000	1.203.120.000
II	Chi phí quản lý	180.269.124	104.888.472	75.380.652
III	Chi phí tư vấn lập dự án	300.000.000	300.000.000	0
IV	Chi phí khác	427.433.570	141.623.158	285.810.412
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	61.647.779		61.647.779
2	Chi phí kiểm toán	104.814.203		104.814.203
3	Kiểm tra nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hoàn thành công trình lâm sinh	260.971.588	141.623.158	119.348.430
	Tổng cộng	6.916.673.494	4.042.794.030	2.873.879.464

9.3.2. *Nguồn vốn thực hiện*: Ngân sách tỉnh (Trong đó đã bố trí từ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2018 là 6.000 triệu đồng tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tỉnh tổ chức thực hiện Dự án theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc các Ngân hàng chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi: Ngân hàng Nhà nước, Chính sách xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (lnphong370)

Trần Ngọc Căng